TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12/01/2018
"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT – TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lập Tiến.
Ông Nguyễn Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 827/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/8/2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 08/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 177/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thanh H. Sinh năm 1981.
Trú tại: Đường K, Tp. B, tỉnh Đăk Lăk; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Viết B. Sinh năm 1982.
Nơi đăng ký tạm trú: Đường K, phường T, Tp. B, tỉnh Đăk Lăk.
Chỗ ở hiện nay: Đường G, phường A, Tp. B, tỉnh Đăk Lăk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 14/8/2017, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Thanh H trình bày:

Chị H và anh Nguyễn Viết B kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk vào ngày 17/02/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B cờ bạc. Chị H đã đứng ra trả nợ cho anh B nhiều lần và cũng đã khuyên can nhưng anh B vẫn chứng nào tật nấy. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2016 đến nay. Hiện

nay anh B đang sinh sống với người phụ nữ khác. Nay chị H nhận thấy tình yêu thương vợ chồng và hạnh phúc gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 05/9/2006. Hiện nay cháu A đang sống cùng chị H.

Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu A cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu.

Về tài sản và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Viết B: Quá trình giải quyết vụ án, anh B đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Hiện nay anh B đang sinh sống và kinh doanh tại đường G, phường A, Tp. B, tỉnh Đăk Lăk. Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột và chính quyền địa phương đã nhiều lần tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh B để anh B tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nhưng anh B đã từ chối nhận nên Tòa án đã niêm yết hợp lệ, nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Viết B đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Thanh H và anh Nguyễn Viết B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk vào ngày 17/02/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B cờ bạc. Chị H đã nhiều lần

khuyên can và đứng ra trả nợ cho anh B nhưng anh B vẫn chứng nào tật nấy. Hiện nay anh B đang sinh sống với người phụ nữ khác.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của chị H và anh B ngày 24/11/2017, chính quyền địa phương cung cấp kết quả: Quá trình chung sống, chị H và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Địa phương cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành.

Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh B tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu của chị Phan Thị Thanh H xin được ly hôn anh Nguyễn Viết B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A đến tuổi trưởng thành. Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B cố tình vắng mặt, không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về con chung. Mặt khác, chị H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và nguyện vọng của cháu A cũng mong muốn được ở với chị H. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung Nguyễn Thị A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt, tránh sự xáo trộn về tâm lý của cháu A là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong quá trình chị H nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí LHST. Chị H được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí LHST đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000267 ngày 22/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Thanh H. Cho chị Phan Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Viết B.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị A, sinh ngày 05/9/2006 cho chị Phan Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong quá trình chị H nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

5. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí LHST. Chị H được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí LHST đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000267 ngày 22/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Đình Hải